

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2025*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**  
**NĂM 2024**

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dịch Vụ - Xây Dựng Công trình Bưu điện
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304731322
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 18.595.617.245 đồng
- Địa chỉ: 49 Bis Trần Bình Trọng Phường 5 Quận Bình Thạnh – TP.HCM
- Số điện thoại: 028.35150585
- Số fax/Fax: 08.35150580
- Website: [www.ptco.com.vn](http://www.ptco.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): PTO

*Quá trình hình thành và phát triển:* Công ty cổ phần dịch vụ - xây dựng công trình Bưu Điện tiền thân là Công ty công trình Bưu Điện – TP.HCM là đơn vị chuyên ngành xây lắp các công trình Bưu chính viễn thông được thành lập theo quyết định số 61/2004/QĐ – BCVT ngày 09/12/2004 của Bộ Bưu Chính Viễn Thông.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

**- Ngành nghề kinh doanh:**

- ✓ Sửa chữa, bảo dưỡng anten, mạng viễn thông, hệ thống tiếp đất, hệ thống chống sét, hệ thống máy điều hoà không khí, hệ thống ác quy, hệ thống hầm cống cáp viễn thông, hệ thống cấp thoát nước (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);



- ✓ Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- ✓ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- ✓ Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị;
- ✓ Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính, kế toán);
- ✓ Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng, cột ăng ten, bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở);
- ✓ Mua bán vật tư, thiết bị xây dựng, thiết bị cơ, điện, điện tử, bưu chính, viễn thông, tin học;
- ✓ Kinh doanh bất động sản;
- ✓ Giám sát, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc

- Địa bàn kinh doanh: chủ yếu phục vụ các công trình viễn thông thông tin trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban điều hành, các phòng Ban chức năng, các xí nghiệp thi công.
- Các công ty con: Công Ty TNHH MTV Đông Tây PTCO.

+ Địa chỉ: 49 Bis Trần Bình Trọng Phường 05 Quận Bình Thạnh – TP.HCM.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Xây dựng công trình bưu chính viễn thông, Mua bán vật tư

+ Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con 100% VDL

### **4. Định hướng phát triển:**

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Giữ vững thị trường truyền thống mà Công ty đã tạo lập được uy tín và thương hiệu trong nhiều năm qua. Đồng thời, định hướng mở rộng thị phần đến các tỉnh có nhu cầu đầu tư xây dựng công trình viễn thông – thông tin.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong trung hạn, Công ty điều chỉnh mô hình

điều hành quản lý theo hướng mềm dẻo, thích hợp với môi trường kinh doanh nhiều biến động và rất nhiều đối thủ cạnh tranh hiện nay. Mục tiêu là tối ưu hóa chi phí, tìm kiếm giải pháp phù hợp để tăng doanh thu. Về dài hạn, Công ty hướng đến đào tạo đội ngũ trẻ, kế cận, mở rộng lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, bán hàng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp nhằm mở rộng thị trường trong nước, tăng thị phần nhóm khách hàng ngoài VNPT và các tập đoàn viễn thông lớn.

## 5. Các rủi ro:

- Rủi ro về thị trường: tình hình kinh tế khó khăn và đầu tư của lĩnh vực viễn thông của các doanh nghiệp lớn không như các năm trước, thị phần thu hẹp đáng kể.

- Rủi ro về cạnh tranh: ngày càng nhiều các doanh nghiệp mới cùng cạnh tranh trong lĩnh vực thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ kéo cáp quang... và cạnh tranh rất cao, để có được công trình phải cắt giảm tối đa chi phí, giảm lợi nhuận để có được công trình.

- Rủi ro về nguồn vốn: là doanh nghiệp siêu nhỏ, nguồn vốn hạn chế, khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay cũng hạn chế.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:** Sau năm 2023 đầy khó khăn, bắt đầu từ những ngày đầu của năm 2024, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã phấn đấu, nỗ lực hết mình dứt kết kinh nghiệm khắc phục khó khăn và tận dụng các tiền đề đã xây dựng được trong năm 2023 khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu, đầu thầu hiệu quả song song với cắt giảm chi phí. Vì vậy kết quả đạt được của năm 2024 rất khả quan như sau:

ĐV tính: triệu đồng.

| STT | Chỉ tiêu                                         | Đơn vị tính | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | TỶ LỆ |
|-----|--------------------------------------------------|-------------|----------|-----------|-------|
| 1   | Tổng doanh thu:                                  | Triệu đồng  | 27.275   | 41.221    | 151%  |
|     | - Doanh thu xây lắp                              | Triệu đồng  | 27.225   | 41.181    | 151%  |
|     | - Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác | Triệu đồng  | 50       | 40        | 80%   |
| 2   | Chi phí                                          | Triệu đồng  | 37.958   | 39.270    | 103%  |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế                             | Triệu đồng  | 1.251    | 1.950     | 156%  |
| 4   | Thuế TNDN                                        | Triệu đồng  | 300      | 449       | 150%  |
| 5   | Lao động bình quân                               | Người       | 43       | 43        | 100%  |
| 6   | Vốn điều lệ                                      | Triệu đồng  | 12.000   | 12.000    | 100%  |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                               | Triệu đồng  | 951      | 1500      | 158%  |

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### ❖ Hội đồng quản trị:

- Bà Mai Xuân Dung - Chủ tịch HĐQT: Thạc sĩ tài chính ngân hàng, hiện nay là Phó Giám Đốc Ban quản lý dự án Tây Thành Phố - Viễn Thông Thành Phố Hồ Chí Minh
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Ủy viên HĐQT: Cử nhân kinh tế, công tác tại Công ty cổ phần dịch vụ - xây dựng công trình Bưu điện từ tháng 12/2022, hiện nay là Phó Tổng Giám Đốc công ty.
- Ông Trần Quang Nghĩa - Ủy viên HĐQT: Thạc sĩ viễn thông, hiện nay là Giám Đốc Trung Tâm Viễn Thông Thủ Đức - Viễn Thông Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Ủy viên HĐQT: Thạc sĩ viễn thông, hiện nay là Giám Đốc Trung Tâm Viễn Thông Chợ Lớn - Viễn Thông Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Công Tùng - Ủy viên HĐQT: Kỹ sư viễn thông, thạc sĩ quản trị kinh doanh, hiện nay làm việc tự do.

### ❖ Danh sách Ban điều hành:

- Ông Nguyễn Tuấn Việt - Tổng giám đốc: Kỹ sư viễn thông, thạc sĩ quản trị kinh doanh, giữ chức vụ Tổng Giám Đốc công ty từ ngày 17/03/2025.
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Phó Tổng giám đốc: Cử nhân kinh tế, công tác tại Công ty cổ phần dịch vụ - xây dựng công trình Bưu điện từ tháng 12/2022, hiện nay là Phó Tổng Giám Đốc công ty.
- Ông Đoàn Văn Hương - Phó Tổng giám đốc: Cử nhân kinh tế, công tác tại công ty Cổ phần dịch vụ xây dựng công trình Bưu điện từ năm 1999, hiện nay là Phó Tổng Giám Đốc công ty.
- Bà Phạm Thị Huệ - Kế toán trưởng: Cử nhân kinh tế, công tác tại công ty Cổ phần dịch vụ xây dựng - công trình Bưu điện từ năm 2000, hiện nay là Kế toán trưởng công ty.
  - Số lượng cán bộ, nhân viên: tổng số CB.CNV là 43 người
  - Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không thay đổi so với năm trước

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có

a) Các khoản đầu tư lớn: không có

b) Các công ty con: Công Ty TNHH MTV Đông Tây PTCO

Hoạt động và tình hình tài chính như sau:

ĐVT: triệu đồng

| STT | CHỈ TIÊU             | Đơn vị tính | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | TỶ LỆ |
|-----|----------------------|-------------|----------|-----------|-------|
| 1   | Tổng doanh thu       | Triệu đồng  |          | 0,5       |       |
| 2   | Chi phí              | Triệu đồng  |          | 7,7       |       |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng  |          | (7,2)     |       |
| 4   | Thuế TNDN            | Triệu đồng  |          | 0         |       |
| 5   | Lao động bình quân   | Người       |          | 1         |       |
| 6   | Vốn điều lệ          | Triệu đồng  |          | 1.000     |       |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế   | Triệu đồng  |          | (7,2)     |       |

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu                                                                             | Năm<br>2023    | Năm<br>2024    | % tăng<br>giảm/ % |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: |                |                |                   |
| Tổng giá trị tài sản                                                                 | 25.560.187.386 | 32.766.645.943 | 128%              |
| Doanh thu thuần                                                                      | 28.397.252.594 | 41.181.026.401 | 145%              |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                    | 348.657.212    | 1.963.718.903  | 563%              |
| Lợi nhuận khác                                                                       | -176.639.558   | -13.592.323    | 8%                |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                 | 172.017.654    | 1.950.126.580  | 1134%             |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                   | 91.876.430     | 1.500.514.681  | 1633%             |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                                                           |                |                |                   |
| * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng                        |                |                |                   |
| Tổng giá trị tài sản                                                                 |                |                |                   |
| Doanh thu                                                                            |                |                |                   |
| Thuế và các khoản phải nộp                                                           |                |                |                   |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                 |                |                |                   |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                   |                |                |                   |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu                                                  | Năm<br>2024 | Năm<br>2023 | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------|-------------|-------------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                        |             |             |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:                              | 2,47        | 3,43        |         |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn                              |             |             |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh:                                 | 2,27        | 3,07        |         |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho                           |             |             |         |
| Nợ ngắn hạn                                               |             |             |         |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                                 |             |             |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                   | 0,43        | 0,33        |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                 | 0,76        | 0,49        |         |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                         |             |             |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:                                 |             |             |         |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân                   | 12,95       | 8,86        |         |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                              | 1,26        | 1,11        |         |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                          |             |             |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | 0,04        | 0,00        |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | 0,08        | 0,01        |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | 0,05        | 0,00        |         |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,05        | 0,01        |         |

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: Không có

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần: 1.200.000

b) Cơ cấu cổ đông:

+ Cổ đông nhà nước: 01, chiếm tỷ lệ 30%

+ Các cổ đông cá nhân: 191 chiếm tỷ lệ 70%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ thi công trong lĩnh vực Viễn thông, hoạt động sản xuất nhỏ gần như không tác động lên môi trường.

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không có.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: sử dụng theo định mức.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

**6.4. Tiêu thụ nước:** (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: sử dụng theo định mức.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động: 43, mức lương trung bình đối với người lao động: 12.974.530 VND.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, độc hại, tổ chức tham quan nghỉ mát, tổ chức tập huấn ATVSLĐ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Theo quy chế đào tạo của Công ty ban hành.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Tham gia giữ gìn trật tự xã hội như gắn camera giám sát, hỗ trợ các gia đình chính sách trong Tết nguyên đán.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

| STT | Chỉ tiêu                                         | Đơn vị tính | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | TỶ LỆ |
|-----|--------------------------------------------------|-------------|----------|-----------|-------|
| 1   | Tổng doanh thu:                                  | Triệu đồng  | 27.275   | 41.221    | 151%  |
|     | - Doanh thu xây lắp                              | Triệu đồng  | 27.225   | 41.181    | 151%  |
|     | - Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác | Triệu đồng  | 50       | 40        | 80%   |
| 2   | Chi phí                                          | Triệu đồng  | 37.958   | 39.270    | 103%  |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế                             | Triệu đồng  | 1.251    | 1.950     | 156%  |
| 4   | Thuế TNDN                                        | Triệu đồng  | 300      | 449       | 150%  |
| 5   | Lao động bình quân                               | Người       | 43       | 43        | 100%  |
| 6   | Vốn điều lệ                                      | Triệu đồng  | 12.000   | 12.000    | 100%  |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                               | Triệu đồng  | 951      | 1500      | 158%  |

#### 2. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu                                                                             | Năm<br>2023    | Năm<br>2024    | % tăng<br>giảm/ % |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: |                |                |                   |
| Tổng giá trị tài sản                                                                 | 25.560.187.386 | 32.766.645.943 | 128%              |
| Doanh thu thuần                                                                      | 28.397.252.594 | 41.181.026.401 | 145%              |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                    | 348.657.212    | 1.963.718.903  | 563%              |
| Lợi nhuận khác                                                                       | -176.639.558   | -13.592.323    | 8%                |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                 | 172.017.654    | 1.950.126.580  | 1134%             |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                   | 91.876.430     | 1.500.514.681  | 1633%             |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                                                           |                |                |                   |
| * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng                        |                |                |                   |
| Tổng giá trị tài sản                                                                 |                |                |                   |
| Doanh thu                                                                            |                |                |                   |
| Thuế và các khoản phải nộp                                                           |                |                |                   |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                 |                |                |                   |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                   |                |                |                   |

**a) Tình hình tài sản:** Không biến động tài sản

**b) Tình hình nợ phải trả:** Không có biến động về các khoản nợ lớn và nợ xấu

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty đã triển khai thực hiện tái cấu trúc bộ máy lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hoàn thiện các quy chế, chính sách nhân sự đang áp dụng tại Công ty, đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả lương. Xây dựng lại bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cải tiến phương thức làm việc, giảm thiểu các công đoạn và hoạt động không tạo ra nhiều giá trị gia tăng hay hoạt động không còn hiệu quả, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc.

Giao kế hoạch theo năng suất lao động thông qua đơn giá tiền lương theo hiệu quả nhằm tăng cường kiểm soát chi phí và hiệu quả hoạt động.

Thực hiện chính sách tiết giảm tối đa chi phí hoạt động, đặc biệt chi phí quản lý thông qua việc cắt giảm tối đa các chi phí liên quan đến việc tổ chức nơi làm việc, các chi phí liên quan đến văn phòng phẩm, điện nước, công cụ dụng cụ, công tác phí, tiếp khách, điện thoại, chủ động tập trung và phân bổ nguồn tài chính một cách hiệu quả, tăng cường công tác quản lý nguồn vốn và dòng tiền, kiểm soát chi phí nhằm tập trung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: giai đoạn 2025-2029**

Tập trung đẩy mạnh thế mạnh công ty trên cơ sở làm chủ kỹ thuật, công nghệ

Nguồn lực luôn được đào tạo và cập nhật các xu hướng công nghệ mới ở các sản phẩm và giải pháp mà công ty đặt mục tiêu

Luôn có đội ngũ kế thừa: định kỳ tuyển dụng để có người mới, người mới được đi kèm với người cũ, có kinh nghiệm để học hỏi thực tiễn.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Chấp thuận không có ý kiến.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): không có ý kiến.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: không có ý kiến.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: không có ý kiến.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2024 là năm hoạt động sản xuất tương đối thành công của công ty. Doanh thu và lợi

nhuận điều vượt so với kế hoạch đề ra nếu xét các hợp đồng được ký và triển khai trong 2024.

Công ty cũng đã có những định hướng, kế hoạch mở rộng nguồn công việc rất hợp lý như hợp tác kinh doanh, liên danh với các đối tác tham gia đấu thầu các gói vượt năng lực đã đạt được những thành công nhất định.

Đã có các chủ trương cụ thể về quản trị nhân sự, đào tạo ngắn hạn hay bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động nhằm tăng cao năng suất lao động, tinh gọn bộ máy tổ chức và tránh lãng phí lao động để giảm chi phí tăng lợi nhuận kinh doanh.

Công tác tài chính – đảm bảo liên tục hoạt động tài chính và đề ra nhiều giải pháp tích cực nhằm giải quyết các tồn tại của Công ty trước cổ phần hóa có chiều hướng thuận lợi.

Nhìn chung trong năm 2024 mặc dù tình hình kinh tế nói chung và hoạt động ngành của công ty nói riêng còn có rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, so sánh với các công ty cùng ngành nghề hoạt động thì công ty đã có kết quả tốt hơn nhiều. Đây cũng là sự nỗ lực rất lớn từ ban Tổng Giám Đốc.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Hội đồng Quản trị đánh giá cao những kết quả mà Ban giám đốc đã đạt được trong năm qua, cụ thể như sau:

- Ban giám đốc luôn tuân thủ báo cáo định kỳ hàng quý về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Luôn báo cáo kịp thời theo yêu cầu của HĐQT.
- Ban giám đốc cũng thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT trong những trường hợp vượt thẩm quyền của Ban giám đốc.
- Với những khó khăn về thị trường, cũng như nguồn lực hiện tại, HĐQT đánh giá rất cao nỗ lực của Ban giám đốc trong việc đạt được kết quả trên
- Hoạt động của Ban giám đốc luôn vì lợi ích của Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông. Hoạt động và thông tin minh bạch.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Xem xét đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển dịch vụ với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.

Tập trung củng cố ngành nghề chủ lực của Công ty đồng thời mở rộng các ngành nghề dịch vụ mới, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường từ bên ngoài như: Xây dựng, năng lượng, dịch vụ...

## **V. Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ       | Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn điều lệ | Ghi chú          |
|-----|----------------------|---------------|-----------------------------------|------------------|
| 1   | Bà Mai Xuân Dung     | Chủ tịch HĐQT | 15%                               | Không kiêm nhiệm |
| 2   | Ông Trần Quang Nghĩa | Ủy viên       |                                   | Không kiêm nhiệm |
| 3   | Ông Nguyễn Thanh Lâm | Ủy viên       | 15%                               | Kiểm nhiệm TGD   |
| 4   | Ông Nguyễn Văn Nghĩa | Ủy viên       |                                   | Không kiêm nhiệm |
| 5   | Ông Nguyễn Công Tùng | Ủy viên       |                                   | Không kiêm nhiệm |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

| STT | Số biên bản      | Ngày       | Nội dung      | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------|------------|---------------|-----------------|
| 1   | 02/24/PTCO       | 28/03/2024 | Họp thường kỳ | 100%            |
| 2   | 004/2024/NQ-HĐQT | 24/04/2024 | Họp thường kỳ | 100%            |
| 3   | 007/2024/NQ-HĐQT | 09/08/2024 | Họp thường kỳ | 100%            |
| 4   | 008/2024/NQ-HĐQT | 06/12/2024 | Họp thường kỳ | 100%            |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:  
Không có

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS            | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/<br>Không còn là<br>thành viên | Trình độ<br>chuyên môn |
|-----|---------------------------|------------|---------------------------------------------|------------------------|
| 1   | Bà Mai Thị Thanh Phương   | Trưởng ban | 03/06/2023                                  | Thạc sĩ                |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Ủy viên    | 14/05/2022                                  | Cử nhân                |
| 3   | Ông Lâm Chí Thành         | Ủy viên    | 14/05/2022                                  | Cử nhân                |

### Các cuộc họp của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS            | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------------|------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------|
| 1   | Bà Mai Thị Thanh Phương   | Trưởng ban | 3/3                 | 100%              | 100%             |                     |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Ủy viên    | 3/3                 | 100%              | 100%             |                     |
| 3   | Ông Lâm Chí Thành         | Ủy viên    | 3/3                 | 100%              | 100%             |                     |

#### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra, phân tích các Báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, phát hiện những rủi ro, thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị, giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, kế toán, thống kê của Nhà nước và của Công ty.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2024 theo các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

|                           | Tiền lương         | Thù lao            | Cộng thu nhập      |
|---------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Năm nay</b>            |                    |                    |                    |
| Bà Mai Xuân Dung          | -                  | 73.881.564         | 73.881.564         |
| Ông Trần Quang Nghĩa      | -                  | 55.411.173         | 55.411.173         |
| Ông Nguyễn Thanh Lâm      | 211.750.605        | 61.567.970         | 273.318.575        |
| Ông Nguyễn Công Tùng      | -                  | -                  | -                  |
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa      | -                  | 55.411.173         | 55.411.173         |
| Bà Mai Thị Thanh Phương   | -                  | 43.097.579         | 43.097.579         |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | -                  | 24.627.188         | 24.627.188         |
| Ông Lâm Chí Thành         | -                  | 24.627.188         | 24.627.188         |
| <b>Cộng</b>               | <b>211.750.605</b> | <b>338.623.835</b> | <b>550.374.440</b> |
| <b>Năm trước</b>          |                    |                    |                    |
| Bà Mai Xuân Dung          | -                  | 46.756.718         | 46.756.718         |
| Ông Trần Quang Nghĩa      | -                  | 35.067.539         | 35.067.539         |
| Ông Nguyễn Thanh Lâm      | 205.483.289        | 19.481.966         | 224.965.255        |
| Bà Nguyễn Thị Chính       | 58.880.124         | -                  | 58.880.124         |
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa      | -                  | 35.067.539         | 35.067.539         |
| Ông Nguyễn Công Tùng      | -                  | 35.067.539         | 35.067.539         |
| Bà Mai Thị Thanh Phương   | -                  | 13.637.376         | 13.637.376         |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | -                  | 15.585.573         | 15.585.573         |
| Ông Lâm Chí Thành         | -                  | 15.585.573         | 15.585.573         |
| <b>Cộng</b>               | <b>264.363.413</b> | <b>216.249.823</b> | <b>480.613.236</b> |

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

1. **Ý kiến kiểm toán:** Chấp nhận toàn bộ (xem báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm)

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** (báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm).

## XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

### TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tuấn Việt

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ -  
XÂY  
DỰNG  
CÔNG  
TRÌNH  
BƯU ĐIỆN

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ -  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH  
BƯU ĐIỆN  
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh,  
O=CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ - XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ - XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN,  
OID.0.9.2342.19200300.10  
0.1.1=MST:0304731322  
Reason: I am the author of  
this document  
Location: your signing  
location here  
Date: 2025.04.24 10:23:  
05+07'00'

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
**BƯU ĐIỆN**

**MỤC LỤC**

|                                                                                                                  | <b>Trang</b>   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                                | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>                                                                          | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                              | <b>5</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>                                            | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>    | <b>13 - 28</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>                                                                                                | <b>29</b>      |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công trình Bưu điện theo Quyết định số 61/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304731322, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 24 tháng 3 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (028) 3805 0707
- Fax : +84 (028) 3805 0707

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sửa chữa, bảo dưỡng anten, mạng viễn thông, hệ thống tiếp đất, hệ thống chống sét, hệ thống máy điều hoà không khí, hệ thống ác quy, hệ thống hầm cống cáp viễn thông, hệ thống cấp thoát nước (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính, kế toán);
- Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng, công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cột ăng ten, bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán vật tư, thiết bị xây dựng, thiết bị cơ, điện, điện tử, bưu chính, viễn thông, tin học;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giám sát, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|----------|---------------------------------------|
| Bà Mai Xuân Dung     | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Trần Quang Nghĩa | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2022     |
| Ông Nguyễn Công Tùng | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 13 tháng 3 năm 2025   |
| Ông Nguyễn Thanh Lâm | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2023     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên                 | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|---------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Mai Thị Thanh Phương   | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2023     |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Lâm Chí Thành         | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2022     |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ                            |                                                                                                                      |
|----------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Lâm | Tổng Giám đốc                      | Không còn là đại diện vốn Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam từ ngày 04 tháng 3 năm 2025                         |
| Ông Nguyễn Tuấn Việt | Phó Tổng Giám đốc<br>Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2025<br>Đại diện vốn Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam từ ngày 04 tháng 3 năm 2025 |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

| Họ và tên            | Chức vụ       |                                          |
|----------------------|---------------|------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Lâm | Tổng Giám đốc | Có hiệu lực đến ngày 24 tháng 3 năm 2025 |
| Ông Nguyễn Tuấn Việt | Tổng Giám đốc | Có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3 năm 2025  |

Ông Nguyễn Tuấn Việt đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Thanh Lâm – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 08/PTCO ngày 25 tháng 3 năm 2025.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và trong năm không có các sai lệch trọng yếu nào trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Mai Xuân Dung**

**Chủ tịch**

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0777/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Hoàng Thái Vương****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

**Lương Anh Vũ****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1832-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>32.069.216.906</b> | <b>24.688.461.460</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>2.625.628.219</b>  | <b>3.755.595.685</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 2.625.628.219         | 2.255.595.685         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | 1.500.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>597.375.123</b>    | <b>815.358.082</b>    |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2         | 597.375.123           | 815.358.082           |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>26.143.050.819</b> | <b>17.078.768.792</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 19.714.180.314        | 12.046.328.709        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 876.666.710           | 26.547.301            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 5.957.078.494         | 5.410.767.481         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (404.874.699)         | (404.874.699)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>2.578.352.949</b>  | <b>2.556.835.608</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 3.327.435.669         | 3.305.918.328         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        | V.7         | (749.082.720)         | (749.082.720)         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>124.809.796</b>    | <b>481.903.293</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                     | -                     |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.13        | 124.809.796           | 481.903.293           |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>697.429.037</b>    | <b>871.725.926</b>    |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>102.485.815</b>    | <b>92.075.062</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 102.485.815           | 92.075.062            |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>370.437.026</b>    | <b>559.352.066</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 370.437.026           | 559.352.066           |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 10.515.271.861        | 10.515.271.861        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (10.144.834.835)      | (9.955.919.795)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 265.565.930           | 265.565.930           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (265.565.930)         | (265.565.930)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>3.020.000</b>      | -                     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | 3.020.000             | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                     | -                     |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                     | -                     |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>221.486.196</b>    | <b>220.298.798</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.10        | 221.486.196           | 220.298.798           |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>32.766.645.943</b> | <b>25.560.187.386</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|----------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>14.171.028.698</b> | <b>8.373.208.392</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>12.995.451.653</b> | <b>7.197.631.347</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 8.673.394.039         | 4.744.200.587        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 313.942.768           | 189.360.880          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 780.638.403           | 432.767.469          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 2.099.697.671         | 589.479.814          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 76.826.912            | 137.809.280          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                    |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                    |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                    |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16a       | 847.846.784           | 885.009.168          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                     | -                    |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        | V.17        | 75.391.164            | -                    |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.18        | 127.713.912           | 219.004.149          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                    |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                    |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>1.175.577.045</b>  | <b>1.175.577.045</b> |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                    |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                    |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                    |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                    |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                    |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                    |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.16b       | 1.175.577.045         | 1.175.577.045        |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                     | -                    |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                    |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                    |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                    |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                    |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>18.595.617.245</b> | <b>17.186.978.994</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>18.595.617.245</b> | <b>17.186.978.994</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.19        | 12.000.000.000        | 12.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 12.000.000.000        | 12.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        | V.19        | 3.216.843.430         | 3.216.843.430         |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.19        | 1.992.214.063         | 1.992.214.063         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        | V.19        | 19.731.513            | 19.731.513            |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.19        | 1.366.828.239         | (41.810.012)          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (133.686.442)         | (41.810.012)          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 1.500.514.681         | -                     |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                     | -                     |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>32.766.645.943</b> | <b>25.560.187.386</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

  
Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng/Người lập

  
Nguyễn Thanh Lâm  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                               | Mã số | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 41.181.026.401       | 28.397.252.594    |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                    | -                 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 41.181.026.401       | 28.397.252.594    |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 33.386.151.520       | 22.648.268.945    |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 7.794.874.881        | 5.748.983.649     |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 40.079.998           | 39.501.331        |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    |             | -                    | 20.273.973        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | -                    | 20.273.973        |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                    | -                 |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.4        | 17.820.000           | -                 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.5        | 5.853.415.976        | 5.419.553.795     |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 1.963.718.903        | 348.657.212       |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    |             | -                    | 35.695.000        |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.6        | 13.592.323           | 212.334.558       |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | (13.592.323)         | (176.639.558)     |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 1.950.126.580        | 172.017.654       |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.13        | 449.611.899          | 80.141.224        |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                    | -                 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>1.500.514.681</u> | <u>91.876.430</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | <u>1.500.514.681</u> | <u>91.876.430</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | -                    | -                 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.7        | <u>1.250</u>         | <u>77</u>         |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.7        | <u>1.250</u>         | <u>77</u>         |

Phạm Thị Huệ

Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thanh Lâm

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh                                                 |       |             |                 |                 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01    |             | 1.950.126.580   | 172.017.654     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |       |             |                 |                 |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02    | V.8         | 188.915.040     | 188.915.040     |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03    | V.7, V.17   | 75.391.164      | 280.906.020     |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |             | -               | -               |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05    | VI.3        | (34.778.000)    | (35.041.537)    |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06    |             | -               | 20.273.973      |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07    |             | -               | -               |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08    |             | 2.179.654.784   | 627.071.150     |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09    |             | (8.717.599.283) | 7.340.752.885   |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10    |             | (24.537.341)    | (165.014.310)   |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11    |             | 5.587.426.908   | (4.776.736.280) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12    |             | (1.187.398)     | (59.958.544)    |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13    |             | -               | -               |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14    |             | -               | (20.273.973)    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15    | V.13        | (136.322.428)   | (434.395.321)   |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16    |             | -               | -               |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17    | V.18        | (183.166.667)   | (227.000.000)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                              | 20    |             | (1.295.731.425) | 2.284.445.607   |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư                                                    |       |             |                 |                 |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21    |             | -               | -               |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22    |             | -               | -               |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23    | V.2         | (1.267.375.123) | (2.115.358.082) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24    | V.2         | 1.485.358.082   | 1.300.000.000   |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25    |             | -               | -               |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26    |             | -               | -               |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27    | VI.3        | 34.778.000      | 35.041.537      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                  | 30    |             | 252.760.959     | (780.316.545)   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        |             | -                      | -                      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        |             | -                      | (500.000.000)          |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                      | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | V.16a, V.19 | (86.997.000)           | (634.612.000)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>(86.997.000)</b>    | <b>(1.134.612.000)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>(1.129.967.466)</b> | <b>369.517.062</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>3.755.595.685</b>   | <b>3.386.078.623</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                      | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>2.625.628.219</b>   | <b>3.755.595.685</b>   |

  
Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thanh Lâm  
Phó Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị; tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính, kế toán); thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng, công nghiệp; Sản xuất vật liệu xây dựng, cột ăng ten, bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở); mua bán vật tư, thiết bị xây dựng, thiết bị cơ, điện, điện tử, bưu chính, viễn thông, tin học; kinh doanh bất động sản; giám sát, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO có trụ sở chính tại số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp, dân dụng, giao thông. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 43 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 49 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa, bảo trì. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian 60 tháng.

**Chi phí sửa chữa, bảo trì**

Các chi phí sửa chữa, bảo trì ghi nhận theo từng lần phát sinh và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 – 26       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 05       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05            |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình chỉ có phần mềm máy tính, giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                                                                  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                                                                         | 12.841.323           | 48.666.498           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                                  | 2.612.786.896        | 2.206.929.187        |
| Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | -                    | 1.500.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                      | <b>2.625.628.219</b> | <b>3.755.595.685</b> |

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 03 tháng đến dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong và ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                                                       | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ban quản lý Dự án Tây Thành phố – Viễn thông TP. Hồ Chí Minh          | 5.511.805.493         | 7.268.433.042         |
| Viễn thông Long An – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam           | 2.874.538.089         | 337.662.503           |
| Trung tâm Viễn thông Tân Bình                                         | 2.819.459.880         | 250.814.603           |
| Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng | 2.534.689.338         | 2.003.420.224         |
| Các khách hàng khác                                                   | 5.973.687.514         | 2.185.998.337         |
| <b>Cộng</b>                                                           | <b>19.714.180.314</b> | <b>12.046.328.709</b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                                | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Xây lắp Điện Hoàng Lộc Bạc Liêu   | 780.966.709        | -                 |
| Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế Việt Nam | -                  | 24.300.000        |
| Các nhà cung cấp khác                          | 95.700.001         | 2.247.301         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>876.666.710</b> | <b>26.547.301</b> |

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                    | <u>Số cuối năm</u>   |                 | <u>Số đầu năm</u>    |                 |
|------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                    | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> |
| Tạm ứng                            | 216.320.422          | -               | 227.319.720          | -               |
| Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 1.561.134.612        | -               | 2.557.624.111        | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác   | 4.179.623.460        | -               | 2.625.823.650        | -               |
| <b>Cộng</b>                        | <b>5.957.078.494</b> | <b>-</b>        | <b>5.410.767.481</b> | <b>-</b>        |

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác là khoản ký quỹ bảo hành công trình còn phải thu.

**6. Nợ xấu**

Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tiền cung cấp dịch vụ của Ban quản lý Dự án Viễn thông TP. Hồ Chí Minh đã quá hạn trên 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

|                                      | Số cuối năm   |               | Số đầu năm    |               |
|--------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|                                      | Giá gốc       | Dự phòng      | Giá gốc       | Dự phòng      |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 403.125.744   | -             | 190.627.390   | -             |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.993.415.125 | -             | 2.184.396.138 | -             |
| Hàng hóa                             | 930.894.800   | (749.082.720) | 930.894.800   | (749.082.720) |
| Cộng                                 | 3.327.435.669 | (749.082.720) | 3.305.918.328 | (749.082.720) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                            | Năm nay     | Năm trước   |
|----------------------------|-------------|-------------|
| Số đầu năm                 | 749.082.720 | 468.176.700 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -           | 280.906.020 |
| Số cuối năm                | 749.082.720 | 749.082.720 |

8. Tài sản cố định hữu hình

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng           |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------|
| Nguyên giá                            |                        |                     |                                 |                           |                |
| Số đầu năm                            | 3.793.426.532          | 4.517.599.384       | 1.560.483.330                   | 643.762.615               | 10.515.271.861 |
| Số cuối năm                           | 3.793.426.532          | 4.517.599.384       | 1.560.483.330                   | 643.762.615               | 10.515.271.861 |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 2.500.964.901          | 4.517.599.384       | 612.446.967                     | 643.762.615               | 8.274.773.867  |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                   | -                               | -                         | -              |
| Giá trị hao mòn                       |                        |                     |                                 |                           |                |
| Số đầu năm                            | 3.345.565.417          | 4.517.599.384       | 1.448.992.379                   | 643.762.615               | 9.955.919.795  |
| Khấu hao trong năm                    | 94.111.404             | -                   | 94.803.636                      | -                         | 188.915.040    |
| Số cuối năm                           | 3.439.676.821          | 4.517.599.384       | 1.543.796.015                   | 643.762.615               | 10.144.834.835 |
| Giá trị còn lại                       |                        |                     |                                 |                           |                |
| Số đầu năm                            | 447.861.115            | -                   | 111.490.951                     | -                         | 559.352.066    |
| Số cuối năm                           | 353.749.711            | -                   | 16.687.315                      | -                         | 370.437.026    |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                   | -                               | -                         | -              |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                   | -                               | -                         | -              |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 265.565.930 VND.

10. Chi phí trả trước dài hạn

|                           | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|---------------------------|-------------|-------------|
| Công cụ, dụng cụ          | 123.655.131 | 48.933.341  |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì | 70.913.793  | 130.989.549 |
| Thuế nhà đất              | 26.917.272  | 40.375.908  |
| Cộng                      | 221.486.196 | 220.298.798 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                       | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Asiana                   | 3.304.031.116        | 1.986.524.468        |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Thái Ngân                  | 1.232.207.600        | -                    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Đông Dương | 993.236.652          | 153.216.690          |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện | 909.608.025          | 909.608.025          |
| Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Trí Đức                  | 96.806.050           | 563.939.552          |
| Các nhà cung cấp khác                                 | 2.137.504.596        | 1.130.911.852        |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>8.673.394.039</b> | <b>4.744.200.587</b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                            | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist | 312.080.411        | 187.498.523        |
| Các khách hàng khác                        | 1.862.357          | 1.862.357          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>313.942.768</b> | <b>189.360.880</b> |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số đầu năm         |                    | Số phát sinh trong năm |                        | Số cuối năm        |                    |
|----------------------------|--------------------|--------------------|------------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
|                            | Phải nộp           | Phải thu           | Số phải nộp            | Số đã thực nộp         | Phải nộp           | Phải thu           |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 352.626.245        | -                  | 946.223.019            | (911.641.556)          | 387.207.708        | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 80.141.224         | 14.305.244         | 449.611.899            | (136.322.428)          | 393.430.695        | 14.305.244         |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                  | 117.154.578        | 29.542.976             | (22.892.950)           | -                  | 110.504.552        |
| Tiền thuê đất              | -                  | 350.443.471        | 1.168.144.902          | (817.701.431)          | -                  | -                  |
| Các loại thuế khác         | -                  | -                  | 5.000.000              | (5.000.000)            | -                  | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>432.767.469</b> | <b>481.903.293</b> | <b>2.598.522.796</b>   | <b>(1.893.558.365)</b> | <b>780.638.403</b> | <b>124.809.796</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn được dự tính như sau:

|                                                        | Năm nay            | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện | 449.611.899        | 80.141.224        |
| Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO                         | -                  | -                 |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>449.611.899</b> | <b>80.141.224</b> |

**Tiền thuê đất**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 12.461,7 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với mức 213.840 VND/m<sup>2</sup> đối với diện tích đất làm văn phòng và mức 91.260 VND/m<sup>2</sup> với diện tích đất làm xưởng sản xuất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

Tiền lương bổ sung và quỹ dự phòng lương còn phải trả.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Tiền thuê đất trích trước phải trả.

**16. Phải trả khác**

**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

|                               | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nhận ký quỹ ngắn hạn          | 239.261.584        | 184.939.762        |
| Cổ tức phải trả               | 606.653.500        | 693.650.500        |
| Phải trả cho các đội thi công | 1.931.700          | 6.418.906          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>847.846.784</b> | <b>885.009.168</b> |

**16b. Phải trả dài hạn khác**

|                                                         | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Viễn thông TP. Hồ Chí Minh – Phải trả trước cổ phần hóa | 147.898.029          | 147.898.029          |
| Nhận ký quỹ dài hạn                                     | 1.027.679.016        | 1.027.679.016        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>1.175.577.045</b> | <b>1.175.577.045</b> |

**16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến Chi phí dự phòng bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

|                    | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|-------------------|------------------|
| Số đầu năm         | -                 | -                |
| Tăng do trích lập  | 75.391.164        | -                |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>75.391.164</b> | <b>-</b>         |

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | <u>Số đầu năm</u>  | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|--------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 92.749.322         | -                                     | (15.000.000)             | 77.749.322         |
| Quỹ phúc lợi    | 126.254.827        | 91.876.430                            | (168.166.667)            | 49.964.590         |
| <b>Cộng</b>     | <b>219.004.149</b> | <b>91.876.430</b>                     | <b>(183.166.667)</b>     | <b>127.713.912</b> |

**19. Vốn chủ sở hữu**

**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                                        | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|----------------------------------------|----------------|----------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 3.600.000.000  | 3.600.000.000  |
| Các cổ đông khác                       | 8.400.000.000  | 8.400.000.000  |
| Cộng                                   | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 005/2024/NQ-HDQT ngày 15 tháng 6 năm 2024 với số tiền là 91.876.430 VND.

19d. Cổ phiếu

|                                        | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 1.200.000   | 1.200.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

|                             | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| Doanh thu bán hàng hóa      | 211.400.000    | 634.283.890    |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 36.831.482.187 | 23.626.211.447 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 4.138.144.214  | 4.136.757.257  |
| Cộng                        | 41.181.026.401 | 28.397.252.594 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

|                                  | Năm nay        | Năm trước      |
|----------------------------------|----------------|----------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ | 192.000.000    | 605.289.670    |
| Giá vốn hoạt động xây lắp        | 33.194.151.520 | 21.762.073.255 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho   | -              | 280.906.020    |
| Cộng                             | 33.386.151.520 | 22.648.268.945 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                           | Năm nay           | Năm trước         |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn    | 34.778.000        | 35.041.537        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 5.301.998         | 4.459.794         |
| <b>Cộng</b>               | <b>40.079.998</b> | <b>39.501.331</b> |

#### 4. Chi phí bán hàng

Chi phí quà tặng khách hàng.

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 3.143.584.333        | 2.992.864.182        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 71.802.610           | 84.194.281           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 60.831.780           | 60.831.780           |
| Thuế, phí và lệ phí              | 1.417.278.423        | 1.066.893.098        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 490.898.706          | 231.296.482          |
| Các chi phí khác                 | 669.020.124          | 983.473.972          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>5.853.415.976</b> | <b>5.419.553.795</b> |

#### 6. Chi phí khác

|                           | Năm nay           | Năm trước          |
|---------------------------|-------------------|--------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 13.545.293        | 15.524.102         |
| Chi phí khác              | 47.030            | 196.810.456        |
| <b>Cộng</b>               | <b>13.592.323</b> | <b>212.334.558</b> |

#### 7. Lãi trên cổ phiếu

##### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                             | Năm nay       | Năm trước  |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ     | 1.500.514.681 | 91.876.430 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                             | -             | -          |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                     | 1.500.514.681 | 91.876.430 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 1.200.000     | 1.200.000  |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                             | <b>1.250</b>  | <b>77</b>  |

##### 7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 9.019.981.486         | 2.629.646.763         |
| Chi phí nhân công                | 8.789.357.725         | 7.889.882.524         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 188.915.040           | 188.915.040           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 18.079.456.763        | 13.401.109.096        |
| Chi phí khác                     | 3.188.209.706         | 3.270.091.707         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>39.265.920.720</b> | <b>27.379.645.130</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|------------------------|---------------|---------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 1.545.021.971 | 3.016.471.473 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | -             | 1.545.021.971 |
| Cộng                   | 1.545.021.971 | 4.561.493.444 |

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát trong năm là:

|                           | Tiền lương  | Thù lao     | Cộng thu nhập |
|---------------------------|-------------|-------------|---------------|
| Năm nay                   |             |             |               |
| Bà Mai Xuân Dung          | -           | 73.881.564  | 73.881.564    |
| Ông Trần Quang Nghĩa      | -           | 55.411.173  | 55.411.173    |
| Ông Nguyễn Thanh Lâm      | 211.750.605 | 61.567.970  | 273.318.575   |
| Ông Nguyễn Công Tùng      | -           | -           | -             |
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa      | -           | 55.411.173  | 55.411.173    |
| Bà Mai Thị Thanh Phương   | -           | 43.097.579  | 43.097.579    |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | -           | 24.627.188  | 24.627.188    |
| Ông Lâm Chí Thành         | -           | 24.627.188  | 24.627.188    |
| Cộng                      | 211.750.605 | 338.623.835 | 550.374.440   |

Năm trước

|                           |             |             |             |
|---------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Bà Mai Xuân Dung          | -           | 46.756.718  | 46.756.718  |
| Ông Trần Quang Nghĩa      | -           | 35.067.539  | 35.067.539  |
| Ông Nguyễn Thanh Lâm      | 205.483.289 | 19.481.966  | 224.965.255 |
| Bà Nguyễn Thị Chinh       | 58.880.124  | -           | 58.880.124  |
| Ông Nguyễn Văn Nghĩa      | -           | 35.067.539  | 35.067.539  |
| Ông Nguyễn Công Tùng      | -           | 35.067.539  | 35.067.539  |
| Bà Mai Thị Thanh Phương   | -           | 13.637.376  | 13.637.376  |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | -           | 15.585.573  | 15.585.573  |
| Ông Lâm Chí Thành         | -           | 15.585.573  | 15.585.573  |
| Cộng                      | 264.363.413 | 216.249.823 | 480.613.236 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – cổ đông lớn.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

#### 3. Thông tin về bộ phận

##### 3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình bưu chính, viễn thông và cung cấp các thiết bị viễn thông.

##### 3b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu diễn ra ở TP. Hồ Chí Minh.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



  
Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng/Người lập

  
Nguyễn Thanh Lâm  
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

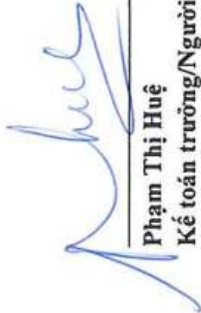
|                                   | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng           |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| Số dư đầu năm trước               | 12.000.000.000         | 3.216.843.430           | 1.933.008.194         | 19.731.513                    | 1.050.430.934                     | 18.220.014.071 |
| Lợi nhuận trong năm trước         | -                      | -                       | -                     | -                             | 91.876.430                        | 91.876.430     |
| Chia cổ tức trong năm trước       | -                      | -                       | -                     | -                             | (720.000.000)                     | (720.000.000)  |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | -                      | -                       | 59.205.869            | -                             | (464.117.376)                     | (404.911.507)  |
| Số dư cuối năm trước              | 12.000.000.000         | 3.216.843.430           | 1.992.214.063         | 19.731.513                    | (41.810.012)                      | 17.186.978.994 |
| Số dư đầu năm nay                 | 12.000.000.000         | 3.216.843.430           | 1.992.214.063         | 19.731.513                    | (41.810.012)                      | 17.186.978.994 |
| Lợi nhuận trong năm nay           | -                      | -                       | -                     | -                             | 1.500.514.681                     | 1.500.514.681  |
| Trích lập các quỹ trong năm nay   | -                      | -                       | -                     | -                             | (91.876.430)                      | (91.876.430)   |
| Số dư cuối năm nay                | 12.000.000.000         | 3.216.843.430           | 1.992.214.063         | 19.731.513                    | 1.366.828.239                     | 18.595.617.245 |

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thanh Lâm  
Phó Tổng Giám đốc

  
Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng/Người lập